TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2019/HC-ST
Ngày 22 tháng 5 năm 2019
V/v: Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huờn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Niê Thanh Mai và ông Kpă Y Khoa.
- Thư ký phiên toà: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy, là Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 22/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 02/2019/TLST-HC ngày 07/01/2019 về việc "*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-HCST ngày 02/5/2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị T, sinh năm 1945.
Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T - Có mặt, (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/01/2019).
Địa chỉ: Số 11 đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Lương Thanh V - Văn phòng luật sư TN, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện C.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện C - Có mặt, (theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
2. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Số 111/8 đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng T1 và bà Nguyễn Thị Y: Ông Trần Đ, sinh năm 1969 - Có mặt, (theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2019).

Địa chỉ: Số 39 đường L, tổ dân phố 2, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/12/2018 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Lê Thị T trình bày: Thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30, diện tích 500m^2 tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng của ông Lê Hồng M vào ngày 19/01/2005; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 313885, do UBND huyện C cấp cho hộ ông M ngày 14/12/2004. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 10/6/2005, UBND huyện C ban hành Quyết định số: 1126/QĐ-UB thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 313885 do UBND huyện C cấp ngày 14/12/2004 cho hộ Lê Hồng M để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà thửa đất nêu trên; Bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 486872 do UBND huyện C cấp ngày 10/6/2005.

Vừa qua, bà nhận được Quyết định số: 876/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Hồng T2, có nội dung: Công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Lê Hồng T2; thu hồi và hủy bỏ Quyết định số: 1126/QĐ-UB ngày 10/6/2005 của UBND huyện C về việc thu hồi và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 486872 cho hộ bà Lê Thị T để khôi phục lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Hồng M; Đề nghị bà Lê Thị T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 486872 do UBND huyện C cấp ngày 10/6/2005 đối với thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30 cho UBND huyện C hủy theo quy định.

Quyết định giải quyết khiếu nại số: 876/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C là trái pháp luật. Bởi lẽ, ông Lê Hồng T2 biết được Quyết định số: 1126/QĐ-UBND ngày 10/6/2005 của UBND huyện C từ năm 2005; Vì năm 2005, ông Lê Hồng T2 đã làm đơn khiếu nại về việc ông Lê Hồng M chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà T đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Năm 2018, ông Lê Hồng T2 khiếu nại Quyết định số: 1126/QĐ-UB là đã hết thời hiệu khiếu nại; ngày 23/11/2018, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số: 876/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông T2 là trái pháp luật.

Trong đơn khiếu nại, ông Lê Hồng T2 yêu cầu hoàn trả lại thửa đất số 338 là tranh chấp quyền sử dụng đất; thửa đất số 338 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Mặt khác, thẩm quyền xem xét giá trị pháp lý hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Thửa đất số 338 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị T nhưng trong quá trình giải quyết Chủ tịch UBND huyện C không

thông báo cho các con của bà T tham gia giải quyết, ảnh hưởng đến quyền lợi của các thành viên trong hộ gia đình.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 876/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện C trình bày: Thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30 được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 458345 cho hộ ông Lê Hồng M vào ngày 28/12/2000; Năm 2004, ông M làm mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xin cấp lại được UBND huyện C cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 313885 vào ngày 14/12/2004.

Ngày 19/01/2005, ông Lê Hồng M lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà Lê Thị T; hợp đồng được UBND xã Q chứng thực. Ngày 10/6/2005, UBND huyện C ban hành Quyết định số: 1126/QĐ-UB về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 313885 do UBND huyện C cấp ngày 14/12/2004 cho hộ ông Lê Hồng M và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 468872 cho hộ bà Lê Thị T đối với thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30.

Xét thấy, việc ông Lê Hồng M lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà Lê Thị T là không đúng với quy định của pháp luật, vì thửa đất nêu trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Hồng M, gồm có ông M và vợ của ông M là bà Trần Thị B (đã chết ngày 30/12/2001); UBND xã Q không hướng dẫn ông M làm thủ tục chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa đất số 338 mà chứng thực vào hợp đồng là không đúng.

Vì vậy, ngày 23/11/2018, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số: 876/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Lê Hồng T2 với nội dung: Công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Lê Hồng T2; thu hồi và hủy bỏ Quyết định số: 1126/QĐ-UB ngày 10/6/2005 của UBND huyện C về việc thu hồi và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 486872 cho hộ bà Lê Thị T để khôi phục lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Hồng M; Đề nghị bà Lê Thị T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 486872 do UBND huyện C cấp ngày 10/6/2005 đối với thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30 cho UBND huyện C hủy theo quy định.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trọng T1 và bà Nguyễn Thị Y trình bày: Ông, bà là con của bà Lê Thị T, ông và bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng Thẩm phán và hội đồng xét xử, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính, trong quá trình giải quyết vụ án; Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30, tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số: AA 313885 cho hộ ông Lê Hồng M vào ngày 14/12/2004; ngày 19/01/2005, ông Lê Hồng M lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà Lê Thị T. Vì vậy, ngày 10/6/2005 UBND huyện C ban hành Quyết định số: 1126/QĐ-UB về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA 313885 đã cấp cho hộ ông Lê Hồng M vào ngày 14/12/2004 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 486872 cho hộ bà Lê Thị T thửa đất nêu trên. Quyết định giải quyết khiếu nại số: 876/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C đã thu hồi và hủy bỏ Quyết định số: 1126/QĐ-UB với lý do: Thửa đất số 338 là tài sản chung của vợ chồng ông Lê Hồng M và bà Trần Thị B; bà B chết ngày 30/12/2001; thửa đất nêu trên là di sản thừa kế chưa chia; ngày 19/01/2005, ông Lê Hồng M chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà Lê Thị T là trái pháp luật.

Việc giải quyết tranh chấp di sản thừa kế, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số: 876/QĐ-UBND để giải quyết là trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, hủy Quyết định số: 876/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[**1**] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người bị kiện không sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính; Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết.

[**2**] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30, diện tích 500m^2 tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ ông Lê Hồng M vào ngày 28/12/2000; được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 313885 vào ngày 14/12/2004.

Ngày 19/01/2005, ông Lê Hồng M lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà Lê Thị T. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 338, bà T làm thủ tục xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ngày 10/6/2005, UBND huyện C ban hành Quyết định số: 1126/QĐ-UB về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA 313885 đã cấp cho hộ ông Lê Hồng M vào ngày 14/12/2004, với lý do: Thay đổi quyền sử dụng đất; Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 486872 cho hộ bà Lê Thị T, thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30.

Việc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị T thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30 là căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất được ký kết ngày 19/01/2005 giữa ông Lê Hồng M và Lê Thị T được quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003.

Ngày 04/4/2018, ông Lê Hồng T2 là con của ông Lê Hồng M và bà Trần Thị B có đơn kiếu nại với lý do: Thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30 có nguồn gốc do ông ngoại của ông Lê Hồng T2 cho bà Trần Thị B một khoản tiền và bà B mua thửa đất nêu trên vào ngày 09/12/1966; Thửa đất số 338 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Hồng M; mẹ của ông là bà Trần Thị B chết vào năm 2001 nên quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên là di sản thừa kế chưa chia.

Ngày 23/11/2018, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số: 876/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Hồng T2 với nội dung: Công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Lê Hồng T2; thu hồi và hủy bỏ Quyết định số: 1126/QĐ-UB ngày 10/6/2005 của UBND huyện C về việc thu hồi và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 486872 cho hộ bà Lê Thị T để khôi phục lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Hồng M; Đề nghị bà Lê Thị T giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 486872 do UBND huyện C cấp ngày 10/6/2005 đối với thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30 cho UBND huyện C hủy theo quy định, với lý do: Thửa đất số 338 là tài sản chung của vợ chồng ông Lê Hồng M và bà Trần Thị B; bà B chết ngày 30/12/2001; thửa đất nêu trên là di sản thừa kế chưa chia; ngày 19/01/2005, ông Lê Hồng M chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho bà Lê Thị T là trái với quy định của pháp luật.

[**3**] Xét tính hợp pháp của Quyết định số: 876/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C, Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất số 338, tờ bản đồ số 30 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân, được quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết ngày 19/01/2005 giữa ông Lê Hồng M và Lê Thị T là hợp đồng dân sự; Việc giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Lê Hồng T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa bố của ông là ông Lê Hồng M và bà Lê Thị T nếu có căn cứ cho rằng quyền sử dụng đất thửa đất số 338 là tài sản chung của bố và mẹ của ông; Việc Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp di sản thừa kế quyền sử dụng đất là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, hủy Quyết định số: 876/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Lê Thị T được Tòa án chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện Cư M gar phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính; Khoản 1 Điều 203 Luật Đất Đai năm 2013; Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

1. Tuyên hủy Quyết định số: 876/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Hồng T.

2.Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm; Bà Lê Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0012723 ngày 04/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

Báo cho người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA DS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- ……..
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Huờn